

Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2020 theo phương pháp ABC/VEN

Phùng Đức Truyền^{1,*}, Nguyễn Thị Hường¹,
Nguyễn Thị Thu Vân¹ và Nguyễn Thị Thu Hoa²
¹Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
²Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Để nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc, tiết kiệm chi phí trong việc cung ứng thuốc, đề tài “Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2020 theo phương pháp ABC/VEN” được thực hiện. **Mục tiêu nghiên cứu:** Hồi cứu, thống kê, phân tích theo phương pháp ABC/VEN cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề Số 8 năm 2020. **Đối tượng nghiên cứu:** danh mục thuốc sử dụng tại phòng khám năm 2020. **Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang hồi cứu các số liệu về thuốc đã được sử dụng tại phòng khám từ ngày 01/01/2020 đến 30/11/2020. **Kết quả và bàn luận:** Phân tích ABC: nhóm A 21.39%; nhóm B 24.28%; nhóm C 54.34. Kết quả phân tích VEN nhóm V 8.38%; nhóm E 68.21%; nhóm N 23.41%; Phân tích ma trận ABC/VEN: nhóm AV 2.89%; trong cả 3 nhóm A, B, C số lượng thuốc E chiếm tỷ lệ cao nhất. tỷ lệ sử dụng các thuốc nhóm V, E, N của Phòng khám khá phù hợp. **Kết luận:** Phân tích danh mục thuốc theo ABC: giá trị sử dụng nhóm A 79,80%; nhóm B 15.14%; nhóm C với 5.06%. Phân tích ma trận ABC/VEN: nhóm AN có 25 thuốc, chiếm 7.23%; nhóm BN có 16 thuốc chiếm 4.62%.

Từ khóa: ABC, VEN, danh mục thuốc, giá trị sử dụng (GTSD)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong công tác khám và chữa bệnh tại các cơ sở y tế, thuốc là yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và chi phí điều trị. Việc sử dụng thuốc không hợp lý làm tăng đáng kể chi phí, tăng tính kháng thuốc, giảm chất lượng điều trị, chăm sóc sức khỏe và uy tín của cơ sở khám chữa bệnh [1].

Hiện nay thị trường thuốc phát triển liên tục với sự đa dạng về chủng loại và nhà cung cấp. Sự cạnh tranh giữa thuốc sản xuất trong nước với thuốc nhập khẩu, thuốc có cùng tác dụng dược lý hoặc cùng một dạng bào chế giữa các doanh nghiệp trong nước sản xuất với nhau gây không ít khó khăn, lúng túng đối với các bệnh viện, phòng khám trong việc lựa chọn danh mục thuốc sử dụng [2]. Phòng khám Quân dân y kết hợp Trường Cao đẳng nghề số 8 có nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong Trường và thực hiện khám và chữa bệnh phục vụ nhân dân.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong Nhà trường và nhân dân đó là hoạt động cung ứng thuốc “đầy đủ, hợp lý, kịp thời và bảo đảm chất lượng” trong đó hoạt động lựa chọn, xây dựng danh mục thuốc là hoạt động đầu tiên trong qui trình cung ứng thuốc, là cơ sở để mua sắm, tồn trữ và sử dụng thuốc tại phòng khám.

Phân tích giá trị tiêu thụ thuốc theo phân tích ABC/VEN (Vital drugs: thuốc tối cần thiết - Essential drugs: thuốc thiết yếu - Non-Essential drugs: thuốc không thiết yếu) sẽ cho thấy mối tương quan giữa lượng thuốc tiêu thụ và chi phí nhằm phân định ra những thuốc nào có tỷ lệ chiếm nhiều trong ngân sách [3]. Từ kết quả phân tích có thể lựa chọn những thuốc thay thế có chi phí đầu vào ít hơn, xây dựng những phác đồ điều trị tối ưu hơn, bổ sung, thương lượng với nhà cung cấp để

Tác giả liên hệ: TS. Phùng Đức Truyền
Email: phungductruyen@gmail.com

mua được thuốc có giá phù hợp, lượng giá mức độ tiêu thụ thuốc hàng năm, phát hiện ra những vấn đề chưa hợp lý trong sử dụng thuốc và quản lý thuốc, xác định phương thức mua các thuốc hợp lý có trong danh mục thuốc của Phòng khám. Tuy nhiên, hiện nay các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào phân tích tỷ lệ sử dụng giữa các nhóm thuốc liên quan đến chi phí và hạn mức điều trị liên quan đến thanh toán bảo hiểm y tế [4, 5]. Rất ít các nghiên cứu về phân tích thuốc thiết yếu ABC/VEN.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, tiết kiệm chi phí trong việc cung ứng thuốc, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2020 theo phương pháp ABC/VEN*” với các mục tiêu:

- *Hồi cứu, phân loại, thống kê danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám năm 2020.*
- *Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Phòng khám năm 2020 theo phương pháp phân tích ABC/VEN.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Danh mục thuốc sử dụng tại phòng khám năm 2020. Danh mục thuốc tân dược. Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.

- * Địa điểm nghiên cứu: Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8.
- * Thời gian nghiên cứu: từ 01/01/2020 đến 30/11/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các biến số nghiên cứu: Nhóm các biến số phân tích cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng tại phòng khám.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang hồi cứu các số liệu về thuốc đã được sử dụng tại phòng khám từ ngày 01/01/2020 đến 30/11/2020.

Phương pháp thu thập số liệu: Sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu từ nguồn tài liệu sẵn có để thu thập các dữ liệu liên quan đến danh mục thuốc đã sử dụng tại phòng khám năm 2020, kinh phí mua thuốc năm 2020, số liệu từ phần mềm quản lý phòng khám.

Các thông tin thu thập: tên thuốc, tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng, đơn vị tính, số lượng sử dụng, đơn giá, thành tiền, nước sản xuất, nhóm tác dụng dược lý.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Tất cả 346 thuốc tân dược, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu đã được sử dụng

năm 2020 tại phòng khám.

Xử lý và phân tích số liệu: Xử lý trước khi nhập liệu: làm sạch số liệu bằng cách loại bỏ các số liệu ngoại lai, các mã hàng không phải thuốc hoặc một thuốc có nhiều mã với nhiều giá khác nhau thì đưa về 1 mã rồi lấy giá trung bình. Điền vào các trường còn trống các giá trị biến số cần phân tích. Sử dụng phần mềm Microsoft Excel 2016, Phần mềm phân tích ABC/VEN. Phương pháp phân tích ABC, phân tích VEN: dựa vào mô hình bệnh tật, phác đồ điều trị phổ biến tại Trung tâm phân loại danh mục theo V, E, N.

Phương pháp phân tích ABC: Là phương pháp phân tích tương quan giữa số lượng thuốc tiêu thụ hàng năm và chi phí nhằm phân định ra những thuốc nào chiếm tỷ lệ lớn trong nguồn kinh phí mua thuốc. Sử dụng dữ liệu thống kê chi phí sử dụng, % chi phí của từng thuốc sử dụng trên tổng chi phí sử dụng thuốc toàn phòng khám.

Phân loại nhóm điều trị cho từng thuốc: phân loại này có thể dựa vào phân loại trong Danh mục thuốc thiết yếu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) hoặc theo các tài liệu tham khảo khác như hệ thống phân loại Dược lý - Điều trị của hiệp hội Dược thư bệnh viện của Hoa Kỳ (AHFS) hoặc hệ thống phân loại Giải phẫu - Điều trị - Hóa học (ATC) của WHO ... Trong đề tài này được phân tích nhóm điều trị theo Thông tư 30/2018/TT-BYT và Thông tư 05/2015/TT-BYT.

Tổng hợp chi phí, phần trăm chi phí các thuốc trong mỗi nhóm thuốc, từ đó xác định tình hình kê đơn thuốc thực tế đang tập trung vào những nhóm thuốc nào thông qua việc xác định nhóm điều trị nào chiếm chi phí lớn nhất. Đối chiếu với mô hình bệnh tật, từ đó phân tích đánh giá tính hợp lý của mối tương quan giữa các nhóm thuốc sử dụng trong điều trị và mô hình bệnh tật thực tế tại bệnh viện.

Phương pháp phân tích VEN: Dựa vào mô hình bệnh tật, phác đồ điều trị phổ biến tại phòng khám, phân loại danh mục theo V, E, N.

Phân loại Danh mục thuốc đã phân tích VEN theo ABC. Kết quả phân tích VEN kết hợp với phân tích ABC để phân loại Danh mục thuốc:

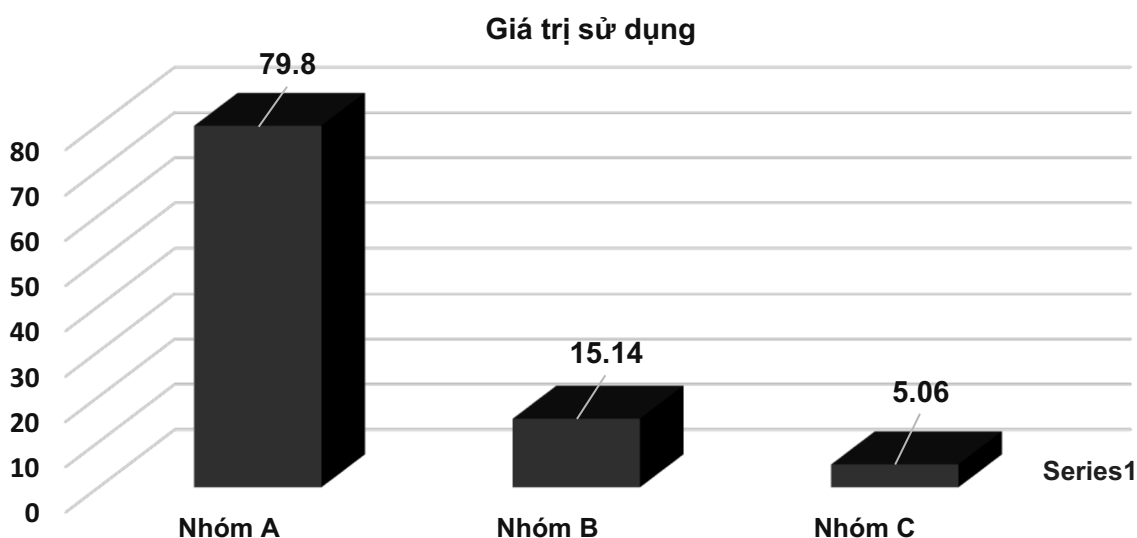
- Xếp các thuốc V,E,N trong nhóm A thu được các nhóm AV, AE, AN và sau đó tính tổng số và tỷ lệ % số lượng, giá trị sử dụng thuốc trong từng nhóm nhỏ.
- Tiếp tục làm tương tự với nhóm B, C thu được kết quả ma trận ABC/VEN.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp ABC

Bảng 1. Kết quả phân tích ABC tại Phòng khám

TT	Nhóm thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	A	74	21.39	5,766,019,518	79.80
2	B	84	24.28	1,093,758,589	15.14
3	C	188	54.34	365,386,858	5.06
Tổng cộng:		346	100	7,225,164,965	100



Hình 1. Giá trị sử dụng giữa các nhóm thuốc theo nhóm tác dụng dược lý

Từ Bảng 1 và Hình 1 cho thấy cơ cấu mua sắm và sử dụng thuốc tại Phòng khám chưa hợp lý ở nhóm A và nhóm B: danh mục thuốc nhóm A gồm 74 khoản mục tương ứng với 21.39% tổng danh mục thuốc với giá trị sử dụng chiếm 79.80%, (lý thuyết nhóm A chiếm 10% - 20% số khoản mục). Nhóm B chiếm 24.28% tổng danh mục thuốc với giá trị sử dụng

15.14%, (lý thuyết nhóm B chiếm 10%- 20% số khoản mục). Nhóm C chiếm 54.34% với giá trị sử dụng 5.06% (lý thuyết nhóm C chiếm 60 - 80%). Từ kết quả phân tích này cho thấy cơ cấu sử dụng và phân bổ kinh phí mục thuốc của phòng khám là chưa hợp lý.

Cơ cấu thuốc nhóm A theo nhóm tác dụng dược lý

Bảng 2. Cơ cấu nhóm thuốc A theo nhóm tác dụng dược lý

TT	Nhóm thuốc	Danh mục thuốc		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
I	Phân nhóm thuốc tân dược	56	16.18	3,751,209,485	51.92
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	27	7.80	2,287,311,965	31.66
2	Thuốc tim mạch	2	0.58	47,145,440	0.65
3	Thuốc đường tiêu hóa	4	1.16	94,960,400	1.31
4	Thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm, điều trị gút và các bệnh cơ xương khớp	5	1.45	143,005,780	1.98
5	Thuốc Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	2	0.58	56,320,000	0.78

TT	Nhóm thuốc	Danh mục thuốc		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
6	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng Acid-Base và các dung dịch tiêm truyền khác	4	1.16	319,611,700	4.42
7	Thuốc điều trị bệnh mắt và tai mũi họng	1	0.29	51,072,000	0.71
8	Khoáng chất và Vitamin	7	2.02	386,557,400	5.35
9	Thuốc chống rối loạn tâm thần	4	1.16	365,224,800	5.05
II.	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	18	5.20	2,050,633,633	28.38
1	Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy	2	0.58	147,269,400	2.04
2	Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm	1	0.29	91,876,096	1.27
3	Nhóm thuốc chữa các bệnh về Âm, về Huyết	5	1.45	367,642,881	5.09
4	Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan	1	0.29	81,806,460	1.13
5	Nhóm thuốc chữa các bệnh về Dương, về Khí	3	0.87	666,214,240	9.22
6	Nhóm thuốc khu phong trừ thấp	4	1.16	546,592,756	7.57
7	Nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tì	2	0.58	113,408,200	1.57
Tổng cộng:		74	21.39	5,801,843,118	80.30

Trong nhóm A, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn với 27 khoản mục (7.80%), với tổng giá trị: 2,287,311,965 đồng, chiếm 31.66 % tổng giá trị sử dụng (GTSD); tiếp theo là nhóm thuốc Vitamin và khoáng chất với 7 khoản mục (2.02%), với tổng giá trị là: 386,557,400 đồng, chiếm 5.35% tổng GTSD; Nhóm

thuốc đứng thứ ba là thuốc chống rối loạn tâm thần với 4 khoản mục (1.16%), với GTSD: 365,224,800 đồng, chiếm 5.05% tổng GTSD.

Nhóm thuốc đông y thuốc, thuốc từ dược liệu có 18 khoản mục (5.20%), với GTSD: 2,050,633,633 đồng, chiếm 28.38% tổng GTSD.

3.2. Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp phân tích VEN

Bảng 3. Kết quả phân tích VEN

TT	Nhóm thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	V	29	8.38	1,189,202,451	16.46
2	E	236	68.21	3,210,161,611	44.43
3	N	81	23.41	2,825,800,903	39.11
Tổng cộng:		346	100	7,225,164,965	100

Nhóm thuốc thiết yếu (nhóm E) có số khoản mục cao nhất với 236 khoản mục chiếm 68.21% về số khoản mục và giá trị sử dụng 3,210,161,611 đồng chiếm 44.33% tổng giá trị sử dụng.

Nhóm thuốc tối cần thiết (nhóm V) có 29 khoản

mục, chiếm 8.38% và giá trị sử dụng 1,189,202,451 đồng chiếm 16.46% tổng giá trị sử dụng.

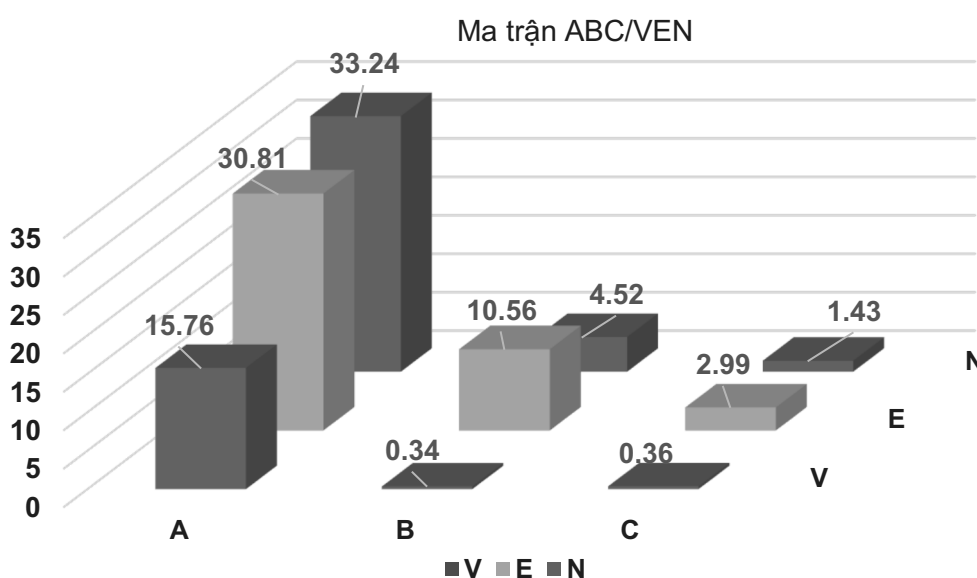
Nhóm N là những thuốc không cần thiết trong điều trị, có 81 khoản mục chiếm 23.41%, với giá trị sử dụng 2,825,800,903 đồng chiếm 39.11% tổng giá trị sử dụng thuốc.

3.3. Phân tích cơ cấu danh mục thuốc theo ma trận ABC/VEN

Bảng 4. Phân tích ma trận ABC/VEN

TT	Nhóm thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
A	V	10	2.89	1,138,650,375	15.76

TT	Nhóm thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
A	E	39	11.27	2,226,001,710	30.81
	N	25	7.23	2,401,367,433	33.24
B	V	3	0.87	24,451,800	0.34
	E	68	19.65	763,296,883	10.56
	N	16	4.62	326,256,042	4.52
C	V	16	4.62	26,100,276	0.36
	E	127	36.71	215,826,078	2.99
	N	42	12.14	103,214,368	1.43
Tổng cộng:		346	100	7,225,164,965	100



Hình 2. Tỷ lệ giá trị sử dụng theo phân tích ma trận ABC/VEN

Nhóm AV có 10 thuốc (chiếm 2.89%) các thuốc sử dụng với giá trị 1,138,650,375 đồng (tương ứng với 15.76% tổng giá trị sử dụng). Tại cả 3 nhóm A, B, C số lượng thuốc E chiếm tỷ lệ cao nhất. Thuốc E trong nhóm A chiếm 39/70 thuốc nhóm A tương ứng với 11.27% các thuốc sử dụng, 30.81% tổng giá

trị. Thuốc E trong nhóm B có 68/106 thuốc tương ứng với 19.65% các thuốc sử dụng và chiếm 10.56% tổng giá trị. Nhóm AN có 25 thuốc (chiếm 7.23%) thuốc sử dụng với giá trị 2,401,367,433 đồng. Nhóm BN có 16 thuốc (chiếm 4.42%) thuốc sử dụng với giá trị 326,256,042 đồng.

Phân tích cơ cấu các thuốc trong nhóm AN

Bảng 5. Các thuốc thuộc phân nhóm AN

TT	Tên thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
I	Khoáng chất và Vitamin	7	2.02	386,557,400	5.35
1	Savi 3B	1	0.29	101,427,280	1.40
2	Calci folinat	1	0.29	84,987,000	1.18
3	Calcilinat F50 50mg	1	0.29	70,827,120	0.98
4	Fucalmax	1	0.29	38,828,000	0.54

TT	Tên thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
5	Calci lactat	1	0.29	26,880,000	0.37
6	Enpovid Fe Folic	1	0.29	24,128,000	0.33
7	Vitamin 3B	1	0.29	39,480,000	0.55
II	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	18	5.20	2,014,810,033	27.89
1	Xương khớp Nhất Nhất	1	0.29	62,874,000	0.87
2	V.Phonte	1	0.29	53,172,756	0.74
3	Tonka	1	0.29	45,600,000	0.63
4	Cerecaps	1	0.29	36,252,000	0.50
5	Ginko Biloba	1	0.29	33,163,200	0.46
6	Thuốc trị Tomoko	1	0.29	27,150,000	0.38
7	Hoạt huyết thông mạch P/H	1	0.29	25,715,200	0.36
8	Thập toàn đại bổ-HT	1	0.29	293,346,000	4.06
9	Tuzamin	1	0.29	109,810,465	1.52
10	Tuần hoàn não Thái Dương	1	0.29	126,616,320	1.75
11	Đương quy bổ huyết P/H	1	0.29	80,245,000	1.11
12	Đại tràng hoàn P/H	1	0.29	81,806,460	1.13
13	Xoang Vạn Xuân	1	0.29	67,814,096	0.94
14	Hoạt huyết Phúc Hưng	1	0.29	101,669,400	1.41
15	Bài Thạch	1	0.29	40,550,040	0.56
16	Thập toàn đại bổ P/H	1	0.29	599,949,000	8.30
17	Tam thất OPC	1	0.29	91,876,096	1.27
18	Dưỡng tâm an thần	1	0.29	137,200,000	1.90
	Tổng cộng:	25	7.22	2,401,367,433	33.24

Kết quả phân tích cụ thể nhóm AN có 25 thuốc nằm trong 2 nhóm tác dụng dược lý là khoáng chất và vitamin; thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Hai nhóm này chiếm tỷ lệ 33.24% giá trị sử dụng thuốc, trong

đó thuốc đông y, thuốc từ dược liệu chiếm đa số với tỷ lệ 27.89% nhóm khoáng chất và vitamin chiếm 5.35%. Nhóm thuốc AN gồm các thuốc không thiết yếu mà giá trị sử dụng lớn nhưng chưa hợp lý.

Phân tích cơ cấu các thuốc trong nhóm BN

Bảng 6. Các thuốc thuộc nhóm BN

TT	Tên thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
I	Khoáng chất và Vitamin	03	1.156	18,756,480	0.377
1	Zinbebe	1	0.29	14,896,000	0.21
2	Silverzinc 50	1	0.29	8,490,000	0.12
3	Vitamin C	1	0.29	7,033,370	0.10
II	Thuốc điều trị da liễu	1	0.29	11,025,000	0.15
1	Xanh methylen	1	0.29	11,025,000	0.15
III	Thuốc điều trị mắt, tai mũi họng	2	0.58	11,190,812	0.15
1	Efticol 0,9%	1	0.29	6,829,532	0.09
2	Natri clorid	1	0.29	4,361,280	0.06
IV	Thuốc đường tiêu hóa	1	0.29	16,636,400	0.23
1	Merika Probiotics	1	0.29	16,636,400	0.23

TT	Tên thuốc	Số lượng mặt hàng		Giá trị sử dụng (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
V	Thuốc tẩy trùng sát khuẩn	1	0.29	25,500,000	0.35
1	Đồng Sulfat	1	0.29	25,500,000	0.35
VI	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	8	2.31	231,484,460	3.20
1	Fengshi-OPC Viên phong thấp	1	0.29	65,919,150	0.91
2	Cholapan - viên mật nghê	1	0.29	44,160,270	0.61
3	Diệp hạ châu Vạn Xuân	1	0.29	33,978,000	0.47
4	Op.Zen - Viên tiêu sưng giảm đau	1	0.29	9,606,240	0.13
5	Lục vị nang Vạn Xuân	1	0.29	43,206,000	0.60
6	Thanh nhiệt tiêu độc F	1	0.29	20,683,000	0.29
7	Dogarlic	1	0.29	5,220,000	0.07
8	Nam dược giải độc	1	0.29	8,711,800	0.12
	Tổng cộng:	16	4.63	326,256,042	4.51

Kết quả phân tích cụ thể nhóm BN có 11 thuốc nằm trong 2 nhóm tác dụng dược lý là khoáng chất và vitamin; thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Hai nhóm này chiếm tỷ lệ 3.577% giá trị sử dụng thuốc, trong đó thuốc đông y, thuốc từ dược liệu chiếm đa số với tỷ lệ 3.2% còn nhóm khoáng chất và vitamin chiếm 0.377%.

4. BÀN LUẬN

4.1. Phân tích ABC

Kết quả phân tích ABC cho thấy cơ cấu mua sắm của phòng khám năm 2020 chưa thật sự hợp lý, cụ thể như sau:

- Thuốc nhóm A gồm 74 thuốc, chiếm 21.39% số lượng khoản mục; Nhóm B gồm 84 thuốc, chiếm 24.38% số lượng khoản mục; Nhóm C gồm 188 thuốc, chiếm 54.34% số lượng khoản mục; 79.80% kinh phí được phân bổ cho nhóm A, 15.14% kinh phí được phân bổ cho nhóm B; nhóm C chỉ chiếm tỷ lệ 5.06% về kinh phí.

- Trong nhóm A có tổng số 74 khoản mục với giá trị sử dụng 5,766,019,518 đồng. Chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm A là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm 31.66% GTSD; Thứ hai là nhóm thuốc vitamin và khoáng chất chiếm 5.35% GTSD. Điều này cho thấy các bệnh nhiễm khuẩn vẫn đang là gánh nặng của phòng khám, đòi hỏi cần có sự quan tâm hơn nữa và cần có biện pháp quản lý, giám sát chống nhiễm khuẩn để hạn chế đến mức tối đa tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện, tăng cường hướng dẫn sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn.

- Nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, nhóm khoáng chất và vitamin, nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm non Steroid, thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp không nên xuất hiện ở nhóm A, việc phân bổ cho những thuốc này chưa hợp lý, như vậy có tình trạng lạm dụng thuốc không thật sự cần thiết. Số lượng mặt hàng thuộc 03 nhóm này chiếm đến 30 khoản mục/tổng số 74 khoản mục nhóm A, do các thuốc này sử dụng số lượng nhiều, phòng khám dùng dần trải nhiều loại nên các thuốc này xuất hiện nhiều trong nhóm A. Mặt khác các nhóm này chỉ có tác dụng hỗ trợ trong điều trị, do vậy phòng khám cần hạn chế sử dụng các loại thuốc thuộc 03 nhóm này.

- Nhờ việc phân tích ABC, có thể xác định được những thuốc có giá trị tiêu thụ cao trong danh mục thuốc để từ đó có chính sách sử dụng thuốc hợp lý bởi kết quả phân tích này là công cụ hữu hiệu trong lựa chọn, mua sắm, quản lý và phân phối, thúc đẩy sử dụng thuốc hợp lý [2, 3].

4.2. Cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo V, E, N

Trong quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện đã hướng dẫn: trước khi lựa chọn thuốc vào danh mục thuốc bệnh viện cần phân tích VEN để đảm bảo khách quan, xác định đâu là thuốc cần thiết và đâu là thuốc không thực sự cần thiết từ đó để đưa ra được một danh mục thuốc phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện và sát thực hơn với nhu cầu thực tế của bệnh viện [1].

Phân tích VEN danh mục thuốc sử dụng tại Phòng

khám cho kết quả:

- Thuốc nhóm V (Vital drugs) có 29 khoản mục chiếm 8.38% và 16.46% GTSD.
- Thuốc nhóm E (Essential drugs) có 236 khoản mục chiếm 68.41% và 44.43% GTSD.
- Thuốc nhóm N (Non-Essential drugs) có 81 khoản mục chiếm 23.41% và 39.11% GTSD.

Kết quả này cho thấy nhóm E chiếm tỷ lệ cao nhất, nhóm N đứng thứ 2 và nhóm V đứng thứ 3 về số lượng khoản mục và GTSD.

So với Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc năm 2018 có tỷ lệ số khoản mục-GTSD nhóm E cao hơn Phòng khám với 54.51% - 44.99%; nhóm V cao hơn: 24.74% - 31.02%; nhóm N thấp hơn: 20.75% - 23.99% [6].

Trong khi đó Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi năm 2018 có tỷ lệ GTSD thuốc nhóm E cao hơn Phòng khám 67.11% - 82.63%; nhóm V thấp hơn: 8.89% - 6.15%, nhóm N thấp hơn: 23.99% - 11.22% [7].

Như vậy về tỷ lệ sử dụng các thuốc nhóm V, E, N của Phòng khám khá phù hợp, tuy nhiên hội đồng thuốc và điều trị cần xem xét nhóm thuốc N, hạn chế mua hoặc chọn thuốc có giá thành thấp hơn hoặc loại bỏ những thuốc N không cần thiết, xem lại số lượng mua dự kiến, ưu tiên mua các thuốc nhóm V, E trước nhóm N, đảm bảo thuốc nhóm V, E có một số lượng dự trữ an toàn, giám sát đơn đặt hàng và lượng tồn kho thuốc nhóm V, E chặt chẽ hơn nhóm N.

Thuốc nhóm AN gồm 25 thuốc (7 thuốc vitamin và khoáng chất; 18 chế phẩm học cổ truyền) chiếm 7.22% về số lượng và 33.24% về giá trị sử dụng).

Việc sử dụng hai nhóm thuốc không thiết yếu với tỷ lệ như vậy đã góp phần làm tăng tình trạng lãng phí trong điều trị.

4.3. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân tích kết hợp ABC/VEN

Kết quả phân tích ma trận ABC/VEN cho thấy có 4 nhóm chiếm GTSD cao lần lượt là AE chiếm 30.81%, nhóm AN chiếm 33.24%, nhóm AV chiếm 15.76%, nhóm BE chiếm 10.56%. Trong 4 nhóm trên có 3 nhóm là thuốc quan trọng, thiết yếu, còn lại nhóm AN là nhóm thuốc không thiết yếu nhưng lại chiếm chi phí cao, nhóm AN có 25 khoản mục chiếm 33.24% GTSD.

So sánh kết quả phân tích ma trận ABC/VEN của Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi tỉnh Bình Thuận

năm 2018, nhóm AN có tỷ lệ thấp hơn, chiếm 19.27% GTSD, trong khi Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi năm 2018, thuốc AN ở mức thấp hơn, chiếm 6,33% GTSD [8].

Qua phân tích ABC/VEN tại Phòng khám cho thấy các nhóm AV, BV, CV, AE, BE là những nhóm thuốc quan trọng, thiết yếu phải ưu tiên mua sắm và tồn trữ một lượng tồn kho an toàn, trong đó nhóm AE chỉ đứng thứ 2 về GTSD. Nhóm AN gồm những thuốc không thiết yếu nhưng lại đứng thứ nhất về GTSD. Nhóm BN gồm 16 khoản mục và đứng thứ 5 về GTSD nên hội đồng thuốc và điều trị cần xem xét điều chỉnh, để giảm chi phí, để dành chi phí mua sắm những thuốc nhóm V, E.

Phân tích ma trận ABC/VEN rút ra cái nhìn tổng quát về những vấn đề hợp lý và chưa hợp lý về danh mục thuốc, về việc sử dụng thuốc của Phòng khám, về số lượng, số tiền thuốc đã sử dụng và mức độ quan trọng, thiết yếu của một số thuốc hoặc nhóm thuốc trong điều trị, từ đó có kế hoạch xây dựng, phân bổ ngân sách cho phù hợp đồng thời xác định những thuốc phải ưu tiên mua sắm, tồn trữ, giám sát đặt hàng, giao hàng. Bên cạnh đó giúp phát hiện ra những thuốc không thiết yếu cho mô hình bệnh tật của Phòng khám lại chiếm chi phí lớn để kiến nghị hội đồng thuốc và điều trị điều chỉnh danh mục thuốc phù hợp nhất giúp công tác quản lý sử dụng thuốc của phòng khám hợp lý, chặt chẽ và hiệu quả hơn [0-3].

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Đề tài đã được thực hiện và đạt được những kết quả sau:

- **Phân tích danh mục thuốc theo phương pháp ABC:** Nhóm A gồm 74 khoản mục thuốc chiếm 21.39% tổng danh mục thuốc. Nhóm B gồm 84 khoản mục thuốc chiếm 24.28% tổng danh mục thuốc. Nhóm C gồm 188 khoản mục thuốc chiếm 54.34% tổng danh mục thuốc. Hoạt động mua sắm thuốc tại phòng khám dàn trải, nằm ngoài giới hạn (10% - 20%).

Phân nhóm A theo tác dụng dược lý, có 02 nhóm chiếm tỷ lệ sử dụng nhiều nhất là: nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm 31.66% GTSD, nhóm vitamin chiếm 5.35% tổng GTSD. Số lượng các mặt hàng thuộc nhóm A quá nhiều so với quy định, trong đó các thuốc khoáng chất - vitamin, các thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, thuốc chống rối loạn tâm thần chiếm đến 29

khoản mục/tổng số 74 khoản mục nhóm A.

- Phân tích ma trận ABC/VEN:

Nhóm thuốc AN có 25 thuốc, chiếm 7.23% khoản mục nhưng chiếm đến 33.24% tổng GTSD của Phòng Khám trong năm 2020. Nhóm BN có 16 thuốc chiếm 4.62% khoản mục nhưng chiếm đến 4.52% tổng GTSD của Phòng khám trong năm 2020.

5.2. Kiến nghị

Hội đồng thuốc và điều trị cần xem xét kiểm soát sử dụng đối với từng loại thuốc trong số 25 thuốc

nhóm AN và 16 thuốc nhóm BN để hạn chế sử dụng, tránh lãng phí nguồn kinh phí, cụ thể là các thuốc: Calci folinat, Calcilat F50 50mg, Thập toàn đại bổ-HT, Dương quy bổ huyết P/H, Cerecaps, Tuzamin.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn các Y, Bác sĩ, lãnh đạo Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 đã hợp tác, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Y tế, *Thông tư 21/2013/TT-BYT quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện*, 2013.

[2] Bộ Y tế, *Thông tư 19/2018/TT-BYT Ban hành danh mục thuốc thiết yếu*, 2018.

[3] Bộ Y tế, *Thông tư 03/2019/TT-BYT Ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp*, 2019.

[4] Hoàng Thị Thu Hường, *"Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn năm 2018"*, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[5] Hoàng Hải Yến, *"Phân tích danh mục thuốc sử*

dụng tại Bệnh viện Thanh Nhàn năm 2018", Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[6] Nguyễn Hữu Thuận, *"Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc năm 2018"*, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[7] Phạm Lê Phương Anh, *"Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi TP HCM năm 2018"*, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[8] Võ Hữu Trí, *"Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi tỉnh Bình Thuận năm 2018"*, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

Analysis of the list of drugs used at the Military Civil Medicine Clinic: Vocational College No.8 in 2020 according to the ABC/VEN method in 2020

Phung Duc Truyen, Nguyen Thi Huong, Nguyen Thi Thu Van and Nguyen Thi Thu Thoa

ABSTRACT

Background: To improve the efficiency of drug use and save costs in the supply of drugs, the topic "Analysis of the list of drugs used at the Military Civil Medicine Clinic - Vocational College No.8 in 2020 according to the ABC/VEN method in 2020" was carried out. Objective: Retrospective, statistical and analysis by ABC/VEN method, structure of the list of drugs used at Military Medical Clinic of Vocational College No.8 2020. Materials: List of drugs used at the clinic in 2020. Method: Retrospective cross-sectional description of drug data used at the clinic from January 01, 2020 to November 30, 2020. Result and Discussion: ABC analysis: group A 21.39%; group B 24.28%; group C 54.34. VEN analysis results of group V 8.38%; group E 68.21%; group N 23.41%; ABC/VEN matrix analysis: AV group 2.89%; in all 3 groups A, B, C, the number of drugs E accounts for the highest proportion. the clinic's rate of using drugs of groups V, E, and N is quite

appropriate. Conclusion: Analysis of the drug list according to ABC: the use value of group A 79.80%; group B 15.14%; group C with 5.06%. ABC/VEN matrix analysis: group AN had 25 drugs, accounting for 7.23%; The group of patients had 16 drugs, accounting for 4.62%.

Keywords: ABC, VEN, drug list, value of use

Received: 06/03/2024

Revised: 28/04/2024

Accepted for publication: 02/05/2024